

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 137/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2024
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội Thẩm nhân dân:

- Bà: Nguyễn Thị Rạt.
- Ông: Nguyễn Chí Lin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 409/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐ-HPT ngày 13/5/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Ú: Luật sư Thái Hoàng D thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa B - Đoàn Luật sư tỉnh L

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

(các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 03/4/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bà Lê

Thị Ú trình bày:

Bà và anh ông T chung sống với nhau vào tháng 4 năm 2023, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bà Ú cho rằng do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Phạm Văn T.

Về con chung: Bà Ú khai bà và ông T có 01 con chung là cháu Phạm Lê Ánh D1, sinh ngày 30/10/2023. Khi ly hôn, bà Ú xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà Ú khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Ú khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa ông Phạm Văn T cũng đồng ý ly hôn theo đơn yêu cầu của bà Ú.

Về con chung: ông T thống nhất khai có 01 con chung như bà Ú trình bày, hiện con đang đang sống với ông. Khi ly hôn, ông T xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Ú cấp dưỡng. Vì ông cho rằng hiện ông có nghề nghiệp ổn định (chăn nuôi, trồng trọt), trong khi bà Ú hiện không có nghề nghiệp ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: ông T thống nhất với lời trình bày của bà Ú.

Tại phiên tòa, bà Ú vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu:

Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: thấy rằng bà Ú và ông tài có 01 con chung là cháu Phạm Lê Ánh D1, sinh ngày 30/10/2023. Tuy hiện nay cháu D1 do ông tài trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, do điều kiện sau khi ly hôn, cháu Dương t còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên rất cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu D1 cho bà Ú trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Ú không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận. Về nợ chung: bà Ú, ông T khai không có nên đề nghị không xem xét.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, mặc dù ông Phạm Văn T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Thị Ú nhưng do cả hai chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội tuyên: không công nhận bà Lê Thị Ú và ông Phạm Văn T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: bà Ú và ông T có 01 con chung là cháu Phạm Lê Ánh D1, sinh ngày 30/10/2023. Khi ly hôn, các bên đều tranh chấp quyền nuôi con. Thấy rằng cháu Phạm Lê Ánh D1 tuổi còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng từ người mẹ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu D1 cho bà Ú được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: bà Ú không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng,*

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết.*

Bà Lê Thị Ú xin ly hôn với ông Phạm Văn T. Ông T hiện đang cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2]. *Về pháp luật áp dụng:* Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Lê Thị Ú và ông Phạm Văn T chung sống với nhau vào năm 2023 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa ông Phạm Văn T thừa nhận chưa đăng ký kết hôn và cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Thị Ú nhưng do bà Ú và ông T chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên không công nhận bà Lê Thị Ú và ông Phạm Văn T là quan hệ vợ chồng.

[2.2]. *Về con chung:* Bà Ú và ông T thống nhất có 01 con chung là cháu Phạm Lê Ánh D1, sinh ngày 30/10/2023. Khi ly hôn, các bên đều tranh chấp quyền nuôi con. Thấy rằng, cháu A D1 hiện nay tuổi còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên rất

cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Ánh D1 cho bà Ú được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng: Bà Lê Thị Ú không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Các đương sự thống nhất khai không có.

[3]. Về án phí: Bà Lê Thị Ú phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 146, 222, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Ú và ông Phạm Văn T là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Ú được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Lê Ánh D1, sinh ngày 30/10/2023 do ông Phạm Văn T có nghĩa vụ giao lại.

Về cấp dưỡng: ông Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Lê Thị Ú không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Ú phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0727 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Mỹ Hạnh Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức

